

## DANH MỤC THỰC PHẨM, SỮA CUNG ỨNG NHÀ THUỐC NĂM 2020 - 2021

(đính kèm Thông báo số 1595/TB-BVND2 ngày 20/11/2020)

STT	Tên hoạt chất, thành phần - Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính
<b>I. SỮA CÔNG THỨC 1/ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG BỔ SUNG CHO TRẺ 0-6 THÁNG</b>				
1	Công thức 1, đạm sữa bò	Uống	Hộp 900g	Hộp
2	Công thức 1, đạm sữa bò	Uống	Hộp 400g	Hộp
3	Công thức 1, đạm sữa bò, hàm lượng đạm thấp dùng trong bệnh lý giới hạn đạm (Đạm $\leq$ 1,2-1,4g/ 100ml)	Uống	Hộp 900g	Hộp
4	Công thức 1, đạm thấp (Đạm $\leq$ 1,2-1,4g/ 100ml)	Uống	Hộp 400g	Hộp
5	Công thức 1, đạm sữa dê	Uống	Hộp 400g	Hộp
6	Công thức 1, dạng nước (Sữa công thức 1)	Uống	59ml hoặc 110ml	Ống 59 ml
7	Công thức < 1 tuổi, bổ sung sữa non 24h (IgG > 600mg/l)	Uống	Hộp	Hộp
<b>II. SỮA CÔNG THỨC 2/ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG BỔ SUNG CHO TRẺ 6-12 THÁNG</b>				
8	Công thức 2, đạm sữa bò	Uống	Hộp 400g	Hộp
9	Công thức 2, đạm sữa bò	Uống	Hộp 900g	Hộp
10	Công thức 2, đạm sữa dê	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>III. SỮA CÔNG THỨC 3/ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG BỔ SUNG CHO TRẺ 12-36 THÁNG</b>				
11	Công thức 3, đạm sữa bò	Uống	Hộp 400g	Hộp
12	Công thức 3, đạm sữa bò	Uống	Hộp 900g	Hộp
13	Công thức 3, đạm sữa dê	Uống	Hộp 400g	Hộp
14	Sữa tăng chiều cao cho 6 tháng - 3 tuổi, năng lượng bình thường (Canxi cao hoặc canxi nano, $\pm$ MK7)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
<b>IV. SỮA CÔNG THỨC / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG BỔ SUNG CHO TRẺ <math>\geq</math> 36 THÁNG</b>				
15	Công thức cho trẻ từ 3 tuổi, đạm sữa bò	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
16	Công thức cho trẻ 3-6 tuổi, tăng chiều cao (E bình thường < 1kcal/ml, bổ sung canxi cao hoặc Canxi nano, + MK7)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
17	Công thức cho trẻ $\geq$ 6 tuổi, tăng chiều cao (E bình thường < 1kcal/ml, bổ sung canxi cao hoặc Canxi nano, + MK7)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
<b>V. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CAO NĂNG LƯỢNG BỔ SUNG CHO TRẺ 6-36 THÁNG</b>				
18	Cao năng lượng 1 ( từ 6 tháng tuổi) 0,8-0,85 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
19	Cao năng lượng 1 ( từ 6 tháng tuổi) 1,0 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
20	Cao năng lượng 1 và tăng chiều cao ( từ 6 tháng tuổi hoặc 12 tháng tuổi, Canxi cao hoặc canxi nano, $\pm$ MK, 1.0 kcal/ml)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
21	Cao năng lượng 1 ( từ 6 tháng tuổi) 1,2 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
22	Bột cao năng lượng, nuôi qua sonde (1 kcal/1ml)	Uống	Hộp	Hộp
<b>VI. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CAO NĂNG LƯỢNG BỔ SUNG CHO TRẺ <math>\geq</math> 12 THÁNG</b>				
23	Cao năng lượng 2 ( từ 12 tháng tuổi) 0,8-0,85 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
24	Cao năng lượng 2 ( từ 12 tháng tuổi) 1,0 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp

STT	Tên hoạt chất, thành phần - Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính
25	Cao năng lượng 2 ( từ 12 tháng tuổi) 1,2 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
26	Sữa cao năng lượng, E ≥ 1kcal/ml, Canxi cao hoặc canxi nano, ± MK7, cho trẻ ≥ 12 tháng,	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
27	Cao năng lượng ( từ 12 tháng tuổi), dùng sau phẫu thuật và chấn thương mô	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
28	Cao năng lượng, tăng cường IgG cho trẻ ≥ 1 tuổi (IgG> 1000mg/l; E ≥ 1kcal/ml)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
<b>VII. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CAO NĂNG LƯỢNG BỔ SUNG CHO TRẺ ≥ 24 THÁNG</b>				
29	Cao năng lượng 3 (từ 24 tháng tuổi, E ≥ 1-1,5kcal/ml)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
30	Sữa cao năng lượng, tăng cường IgG đủ hàm lượng, ≥ 2 tuổi (IgG> 1000mg/l; E ≥ 1kcal/ml)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
<b>VIII. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CAO NĂNG LƯỢNG BỔ SUNG CHO TRẺ ≥ 36 THÁNG TUỔI</b>				
31	Cao năng lượng 4 ( từ 36 tháng tuổi), E ≥ 1 kcal/ml	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
32	Cao năng lượng 4 ( từ 36 tháng tuổi), E ≥ 1 kcal/ml + 100% canxi nano	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
<b>IX. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG GIẢM BÉO, TÁCH BÉO</b>				
33	Sữa tách béo (lipid < 0,5%)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
34	Sữa tách béo (lipid < 1,5%)	Uống	Hộp từ 700-đến 900g	Hộp
<b>X. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LACTOSE FREE</b>				
35	Sữa lactose free	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XI. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG ĐẠM ĐẬU NÀNH</b>				
36	Sữa đậm đậu nành 1 (cho trẻ <12 tháng tuổi)	Uống	Hộp 400g	Hộp
37	Sữa đậm đậu nành 2 (cho trẻ >12 tháng tuổi)	Uống	Hộp 400g	Hộp
38	Sữa đậm đậu nành	Uống	Hộp 400g, 500g	Hộp
<b>XII. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG ĐẠM THỦY PHÂN 1 PHẦN</b>				
39	Whey thủy phân 1 phần cho trẻ < 6 tháng tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
40	Whey thủy phân 1 phần cho trẻ 6-12 tháng tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
41	Whey thủy phân 1 phần cho trẻ >12 tháng tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
42	Casein thủy phân 1 phần cho trẻ < 6 tháng tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
43	Casein thủy phân 1 phần cho trẻ 6-12 tháng tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
44	Casein thủy phân 1 phần cho trẻ >12 tháng tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XIII. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG ĐẠM THỦY PHÂN TOÀN PHẦN</b>				
45	Đạm casein thủy phân toàn phần	Uống	Hộp 400g	Hộp
46	Đạm casein thủy phân toàn phần + sucrose + LGG	Uống	Hộp 400g	Hộp
47	Đạm whey thủy phân toàn phần thành peptid	Uống	Hộp 400g	Hộp
48	Đạm casein thủy phân toàn phần + MCT	Uống	Hộp 400g	Hộp
49	Đạm gạo thủy phân toàn phần/ sữa hạt	Uống	Hộp 400g	Hộp
50	Đạm whey/casein thủy phân toàn phần thành peptid, cho trẻ >4 tuổi	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XIV. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHO TRẺ NON THÁNG</b>				
51	Sữa non tháng (0,8-0,85 kcal/ml)	Uống	Hộp 400g	Hộp
52	Sữa non tháng (22 kcal/oz)	Uống	Ông 59ml	Ông
53	Sữa non tháng 24 kcal/ông, dạng nước	Uống	Ông 59ml	Ông
54	Sữa non tháng 30 kcal/oz, dạng nước	Uống	Ông 59ml	Ông
55	Sữa non 24h đầu (IgG > 15%)	Uống	Gói	Hộp
<b>XV. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHỐNG TRÀO NGƯỢC</b>				
56	Sữa bổ sung chất làm đặc	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XVI. SỮA / SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHỐNG TÁO BÓN</b>				
57	Sữa/ sản phẩm dinh dưỡng chống táo bón	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XVII. CHẤT XƠ HÒA TAN</b>				
58	Chất xơ hòa tan (chủ yếu Inulin)	Uống	Hộp	Hộp

STT	Tên hoạt chất, thành phần - Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính
59	Chất xơ hòa tan (chủ yếu FOS)	Uống	Gói	Gói
<b>XVIII. MALTOSE DEXTRIN</b>				
60	Bột Maltose Dextrin	Uống	Hộp	Hộp
61	Bột Maltose Dextrin	Uống	Gói	Hộp
<b>XIX. BỘT MCT</b>				
62	Bột MCT	Uống	Hộp	Hộp
63	Bột MCT	Uống	Gói	Hộp
<b>XX. BỘT ĂN DẶM</b>				
64	Bột ăn dặm	Uống	Hộp	Hộp
<b>XXI. HUMAN MILK FORTIFIER</b>				
65	Similac HMF hoặc tương đương; bổ sung đạm, béo, vitamin và khoáng chất cho sữa mẹ có trẻ sinh non	Uống	Gói	Hộp
<b>XXII. SỮA GAN MẬT</b>				
66	Sữa gan mật: bổ sung MCT, BCAA, maltose dextrin, giảm lactose, giảm LCT, giảm Na	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XXIII. SỮA SUY THẬN KHÔNG CHẠY THẬN</b>				
67	Nephro 1 hoặc tương đương (< 6 tháng)	Uống	Hộp 400g	Hộp
68	Nephro 2 hoặc tương đương (≥ 6 tháng)	Uống	Hộp 400g	Hộp
<b>XXIV. KHÁC</b>				
69	Sữa cao năng lượng pha sẵn (E ≥ 1kcal/ml)	Uống	Hộp nước	Hộp
70	Sữa cao năng lượng pha sẵn (1.5 kcal/ml)	Uống	Hộp nước	Hộp
71	Branch chain amino acid (BCAA)	Uống	Gói bột	Gói
72	Branch chain amino acid (BCAA)	Uống	Dạng nước	Gói
73	Sữa amino acid (đạm dạng amino acid)	Uống	Hộp	Hộp
74	Sữa dùng cho phẫu thuật (đạm cao, chất kích thích lành vết thương)	Uống	Hộp	Hộp
75	Bột nuôi qua sonde (đầy đủ chất, xử lý men)	Uống	Hộp	Hộp
76	Amylase để xử lý bột nuôi qua sonde	Uống	Hộp bột	Hộp

Tổng cộng: 76 khoản./.

Người lập bảng

DS. Trần Minh Hiệp

Trưởng khoa Dược

DS. CK2. Võ Công Nhận

Ngày 20 tháng 11 năm 2020

Giám đốc



BS. CK2. Trịnh Hữu Tùng